

Số: 84 /BC-QLCL

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Thông tin giá cả thị trường nông sản từ 07/7/2023 đến ngày 13/7/2023

I. Giá nông sản, vật tư tại Lâm Đồng:

Qua cập nhật thông tin giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại các điểm cung cấp tin trên địa bàn các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Di Linh, Lâm Hà, Bảo Lâm, Đà Tẻh và thành phố Đà Lạt, giá cổng trại một số sản phẩm nông sản và vật tư nông nghiệp có sự biến động so với tuần trước như sau:

1. Một số sản phẩm nông sản

- Sản phẩm rau, củ, quả: Xà lách lolo xanh 7.000 đồng/kg, giảm 3.000 đồng/kg; xà lách cuộn 8.000 đồng/kg, đậu leo 13.000 đồng/kg, súp lơ xanh 16.000 đồng/kg, đều giảm 4.000 đồng/kg; pò xôi 38.000 đồng/kg, tăng 8.000 đồng/kg so với tuần trước (Do thị trường tiêu thụ mạnh, nguồn cung ít nên giá rau pò xôi tăng mạnh so với tuần trước).

- Sản phẩm hoa: Do thị trường tiêu thụ giảm nên giá các loại hoa Đà Lạt đều giảm so với tuần trước, cụ thể: Hoa hồng Đà Lạt 8.000 – 9.000 đồng/chục, giảm 2.000 – 3.000 đồng/chục; hoa cúc chùm 7.000 đồng/bó, giảm 3.000 đồng/bó; hoa cúc cành 18.000 đồng/chục, giảm 9.000 đồng/chục; hoa lay ơn 25.000 đồng/chục, hoa cẩm chướng 28.000 đồng/bó, hoa cát tường 60.000 đồng/kg, đều giảm 5.000 đồng; hoa đồng tiền 18.000 đồng/chục, giảm 7.000 đồng/chục; hoa lily Sorbone và Concador 55.000 – 65.000 đồng/bó, giảm 10.000 đồng/bó so với tuần trước.

- Sản phẩm cây công nghiệp: Cà phê vối nhân xô 65.000 đồng/kg, tăng 900 – 1.000 đồng/kg; chè búp tươi hạt 6.000 đồng/kg, tăng 1.000 đồng/kg; chè búp tươi cành 9.000 đồng/kg, tăng 500 đồng/kg so với tuần trước.

- Sản phẩm chăn nuôi: Kén tằm (tại Bảo Lâm) 170.000 đồng/kg, giảm 4.000 đồng/kg; lợn hơi 62.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg so với tuần trước.

Các sản phẩm chăn nuôi còn lại như gà hơi, sữa bò... đều có giá ổn định so với tuần trước.

2. Vật tư nông nghiệp

Các sản phẩm vật tư phân bón đều có giá ổn định tại các huyện so với tuần trước.

3. Dự báo chung

Trong thời gian tới, dự báo các loại hoa Đà Lạt và sản phẩm vật tư nông nghiệp... giá cả tương đối ổn định.

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 1 đính kèm)

II. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố:

1. Tại TP HCM

1.1 Nhóm cây trồng chủ lực- rau.

Tổng sản lượng rau, quả bình quân tuần này của 03 chợ đầu mối là 3.776 tấn/ngày so với tuần trước là 3.786 tấn/ngày (giảm bình quân 10 tấn/ngày so với tuần trước) trong đó: sản lượng rau củ bình quân tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.519 tấn/ngày (giảm bình quân 55 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Bình Điền là 648 tấn/ngày (giảm bình quân 5 tấn/ngày so với tuần trước); sản lượng rau, củ bình quân tại chợ đầu mối Hóc Môn là 1.609 tấn/ngày (tăng bình quân 50 tấn/ngày so với tuần trước).

a) Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại vườn theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua tăng bình quân 13,6% so với tuần trước trong đó: Giá cải xanh 9.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bầu 8.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bí đao 9.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 11.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá dưa leo 10.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

b) Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP

Giá rau, quả tại Hợp tác xã theo tiêu chuẩn VietGAP trong tuần qua tăng bình quân 13,3% so với tuần trước trong đó: Giá cải xanh 10.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bầu 9.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bí đao 10.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá khổ qua 13.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá dưa leo 11.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); giá các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức

Giá rau, quả tại chợ đầu mối Thủ Đức trong tuần qua tăng bình quân 15,9% so với tuần trước, trong đó: Giá cải xanh 15.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bầu 8.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá bí đao 9.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá khổ qua 9.000 đồng/kg (tăng 1.000 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

d) Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu

Giá rau, quả tại chợ Bà Chiểu trong tuần qua tăng bình quân 10,5% so với tuần trước. Giá cải xanh 30.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); giá bầu 18.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá bí đao 18.000 đồng/kg (tăng 3.000 đồng/kg); giá dưa leo 17.000 đồng/kg (tăng 2.000 đồng/kg); giá các mặt hàng rau củ khác ổn định so với tuần trước.

e) Giá rau, quả tại siêu thị.

Giá rau, quả tại siêu thị Coopmart tuần qua giảm bình quân 10% so với tuần trước. Giá cải xanh 29.600 đồng/kg (giảm 2.400 đồng/kg); giá bầu 17.000 đồng/kg (giảm 12.000 đồng/kg); giá bí đao 18.000 đồng/kg (giảm 4.800 đồng/kg); các mặt hàng rau, quả khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

1.2. Nhóm sản phẩm chăn nuôi chủ lực - heo

- Giá heo giống loại từ (16 đến 20 kg) giá dao động từ 2.000.000 đến 2.400.000 đồng/con, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại các trại chăn nuôi, hộ dân như sau: Giá heo hơi loại 1 là 62.000 đồng/kg và loại 2 là 58.000 đồng/kg, giá ổn định so với tuần trước.

- Giá heo hơi tại công ty Cổ phần C.P như sau: Giá heo hơi loại 1 là 64.000 đồng/kg và loại 2 là 60.500 đồng/kg, giá bình quân ổn định so với tuần trước.

a) Tổng sản lượng thịt heo tại 02 chợ đầu mối

Tổng sản lượng thịt heo bình quân tại hai chợ đầu mối trong tuần qua là 604 tấn/ngày so với tuần trước là 570 tấn/ngày (tăng bình quân 6,3% so với tuần trước), trong đó: sản lượng thịt heo bình quân chợ đầu mối Hóc Môn là 374 tấn/ngày (tăng bình quân 18 tấn/ngày so với tuần trước), sản lượng thịt heo bình quân chợ Bình Điền là 230 tấn/ngày (tăng bình quân 16 tấn/ngày so với tuần trước).

b) Giá thịt heo chợ đầu mối Hóc Môn

- Giá các mặt hàng thịt heo tại chợ đầu mối Hóc Môn bình quân tăng 3,6% so với tuần trước. Trong đó: Giá thịt heo mảnh loại 1 là 77.000 đồng/kg (tăng 7.000 đồng/kg), giá thịt heo mảnh loại 2 là 70.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg); giá thịt cốt lết 75.000 đồng/kg (tăng 5.000 đồng/kg), giá thịt ba rọi 115.000 đồng/kg (tăng 20.000 đồng/kg); giá thịt đùi rọ 73.000 đồng/kg (giảm 2.000 đồng/kg); giá sườn non 140.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg); giá giò sau 60.000 đồng/kg (giảm 5.000 đồng/kg); các mặt hàng thịt heo khác giữ giá ổn định so với tuần trước.

c) Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu

Giá thịt heo tại chợ Bà Chiểu trong tuần ổn định so với tuần trước.

d) Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan

Giá thịt heo tại cửa hàng Vissan tăng 2% so với tuần trước.

1.3 Nhóm sản phẩm thủy sản

a) Tổng sản lượng thủy sản chợ Bình Điền

Sản lượng thủy hải sản chợ Bình Điền giảm 3% so với tuần trước. Giá thủy sản tại chợ đầu mối Bình Điền tăng 8,9% so với tuần trước: giá mực ống (F) là 240.000 đồng/kg (tăng 20.000 đồng/kg) và giá mực lá 250.000 đồng/kg (tăng 20.000 đồng/kg).

Giá tôm nước lợ tại chợ Bà Chiểu tuần này giảm 6,7% so với tuần trước, trong đó: tôm thẻ (F) 250.000 đồng/kg (giảm 30.000 đồng/kg) và giá tôm sú (F) 350.000 đồng/kg (giảm 10.000 đồng/kg).

1.4. Giá gia cầm tại chợ Bình Điền, chợ truyền thống và sản lượng

- Sản lượng gia cầm bình quân tuần qua là 8,5 tấn/ngày (tăng 14,9% so với tuần trước).

- Giá gia cầm chợ Bình Điền ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 40.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 60.000 đồng/kg.

- Giá gia cầm chợ Bà Chiểu ổn định so với tuần trước: giá gà công nghiệp nguyên con là 75.000 đồng/kg và giá vịt nguyên con là 90.000 đồng/kg.

1.5. Giá trái cây và sản lượng tại 03 chợ đầu mối

- Tổng sản lượng trái cây về 3 chợ đầu mối trong tuần qua bình quân là 1.815 tấn/ngày so với tuần trước là 1.960 tấn/ngày (giảm bình quân 145 tấn/ngày so với tuần trước). Tại chợ đầu mối Thủ Đức là 1.036 tấn/ngày (giảm bình quân 103 tấn/ngày so với tuần trước), tại chợ đầu mối Hóc Môn là 352 tấn/ngày (giảm bình quân 59 tấn/ngày so với tuần trước), tại chợ đầu mối Bình Điền là 427 tấn/ngày (tăng bình quân 17 tấn/ngày so với tuần trước).

- Giá trái cây chợ đầu mối Thủ Đức tăng 7,6% so với tuần trước, giá trái cây tại chợ Bà Chiểu tăng 0,1% so với tuần trước, giá trái cây tại siêu thị Coopmart tăng bình quân 0,9% so với tuần trước.

2. Tại Hà Nội

- Giá rau tại chợ dân sinh Hà Nội: cà chua giảm 6.100 đồng/kg, cải thảo, cần tây giảm 4.000 đồng/kg, ớt sừng tăng 2.100 đồng/kg, súp lơ tăng 8.000 đồng/kg, hành tây tăng 2.000 đồng/kg, bắp xôi tăng 4.000 đồng/kg. Giá các loại nông sản khác ổn định

3. Khu vực Cần thơ

Sau nhiều tuần giữ giá ổn định, hôm nay giá cà chua thu mua tại các nhà vườn bất ngờ giảm nhẹ. Hôm nay, giá cà chua thu mua tại nhà vườn chỉ còn 10.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng. Rau xà lách cũng giảm 1.000 đồng/kg về mức 24.000 đồng/kg. Giá dưa leo vẫn ổn định ở mức 9.000 đồng/kg. Giá cải bẹ

xanh bất ngờ tăng lên mức 14.000 đồng/kg, đây là mức giá thu mua cải bẹ cao nhất trong 4 tuần gần đây. Còn tại các chợ lẻ ở, giá cà chua cũng giảm mạnh chỉ còn 15.000 đồng/kg, mức giảm 5.000 đồng/kg. Khổ qua cũng là mặt hàng rau củ giảm đến 5.000 đồng/kg trong ngày hôm nay về mức 20.000 đồng/kg. Đây là mức bán lẻ khổ qua thấp nhất trong 1 tháng gần đây. Giá bồn bồn vẫn ổn định với mức 35.000 đồng/kg; cà rốt 20.000 đồng/kg; bí đỏ 10.000 đồng/kg; dưa leo 10.000 đồng/kg; bông cải xanh 50.000 đồng/kg.

Giá nhiều loại sầu riêng hiện tăng từ 5.000-15.000 đồng/kg so với cách nay hơn 2 tuần. Giá trái sầu riêng giống Thái (sầu riêng Mỏn Thon) được nông dân bán xô cho thương lái và các vựa thu mua trái cây ở mức 65.000-70.000 đồng/kg, trong khi trước đây ở mức 55.000-60.000 đồng/kg. Còn sầu riêng Mỏn Thon tuyển lựa loại 1 (đạt chuẩn xuất khẩu) từ mức 60.000-65.000 đồng/kg, nay lên ở mức 75.000-80.000 đồng/kg. Hiện sầu riêng hạt lép Ri 6 được nông dân tại nhiều nơi bán xô cho thương lái và các vựa thu mua trái cây ở mức 42.000-47.000 đồng/kg, còn Ri 6 tuyển lựa hàng loại 1 có giá 50.000-55.000 đồng/kg. Giá tăng do tiêu thương và doanh nghiệp đẩy mạnh thu mua để phục vụ xuất khẩu, trong khi nguồn cung giảm vì nhiều vườn sầu riêng đã thu hoạch dứt trái.

4. Khu vực Đà Nẵng

Giá rau tại TP. Đà Nẵng ổn định so với tuần trước ngoại trừ xà lách, súp lơ giảm 3.000 đồng/kg.

5. Khu vực Gia Lai, Đắk Lắk

- Tại tỉnh Đắk Lắk: giá cà phê được thu mua cùng mức 65.500 đồng/kg tăng 500 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 68.000 đồng/kg tăng 1.000 đồng/kg so với tuần trước. Giá rau tại ĐắkLak ổn định so với tuần trước.

- Tại tỉnh Gia Lai: Giá cà phê ở mức 65.100 đồng/kg tăng 200 đồng/kg so với tuần trước. Giá tiêu được thu mua với mức 67.500 giảm 500 đồng/kg so với tuần trước. Giá rau tại Gia Lai ổn định so với tuần trước.

(Chi tiết giá các loại nông sản theo phụ biểu 2 đính kèm)

III. Giá tại các siêu thị:

Trong 3 ngày cuối tuần từ 14 -16/7, Co.opmart, Co.opXtra bán đồng giá 60.000 đồng các mặt hàng thủy hải sản như cá nục hoa, cá đối, cá hường, cá rô phi, cá ngừ bò, cá tráo, cá nục, cá ba sa nguyên con không đầu. Các mặt hàng cà chua, cà tím, củ cải trắng, dưa leo, khổ qua, nấm, chuối sứ ... cũng được giảm giá từ 20 – 40%. Đặc biệt, với hoá đơn trên 150.000 đồng khách hàng được mua 1 gói cốt lết heo Vissan 200g với giá chỉ 1 đồng áp dụng tại hệ thống Co.opmart, Co.opXtra và Co.op Food trên toàn quốc.

Giá thịt heo mát Meat Deli có dấu hiệu chững lại. Hiện, các sản phẩm thịt heo được bán với giá trong khoảng 92.720 - 155.922 đồng/kg, trong đó các loại đang được giảm giá 20% theo chương trình ưu đãi dành cho hội viên của

WinMart. Cụ thể, 92.720 đồng/kg, 99.122 đồng/kg và 103.922 đồng/kg được ghi nhận là mức giá tương ứng với ba sản phẩm thịt đùi heo, chân giò rút xương và thịt heo xay loại 1. Bên cạnh đó, hai sản phẩm khác được bán tại đây là nạc vai heo và ba rọi heo với mức lần lượt 113.520 đồng/kg và 155.922 đồng/kg.

III. Dự báo, thông tin thị trường:

- Thị trường cà phê: hụt nguồn cung Robusta trong ngắn hạn là hiện hữu, tuy nhiên, khi giá cà phê tăng đột biến sẽ ảnh hưởng đến tâm lý nhiều nhà đầu tư do không thể đảm bảo tính bền vững trong giao dịch. Vì vậy, giá cà phê trong tuần này khó có khả năng tiếp tục tăng như tuần qua.

- Thị trường tiêu: mức giá tiêu hiện tại vẫn chưa đủ hấp dẫn để người nông dân tái trồng tiêu vụ mới trong bối cảnh phải cạnh tranh với các loại cây khác cạnh tranh hơn về lợi nhuận. Tuy nhiên, mức giá này lại gây phản ứng dè dặt, giảm đơn hàng từ các nhà nhập khẩu từ châu Âu và Mỹ cho rằng giá không cạnh tranh và kỳ vọng nguồn cung từ Indonesia vào tháng 7 sẽ giúp thị trường hạ nhiệt. Ngoài ra, lượng tồn từ các năm trước vẫn còn từ các nhà nhập khẩu EU và Mỹ. Các chuyên gia kỳ vọng thị trường Mỹ và châu Âu sau thời gian giảm mua để sử dụng hàng trong kho dự trữ sẽ tăng cường mua hồ tiêu. Yếu tố trên kỳ vọng kéo giá tiêu đi lên những tháng cuối năm.

Nơi nhận:

- SNN & PTNT;
- BCĐ XTĐT NS gắn với phát triển sản phẩm OCOP;
- Lưu: VT, Trạm QLCL.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Phúc Tín

Phụ lục 1. Giá nông sản và vật tư nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo báo cáo số 84 /BC-QLCL ngày 13 tháng 7 năm 2023)

I. Giá nông sản

STT	Mặt hàng nông sản	ĐVT	Giá công trại	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Cà chua thường (Rita)	Kg	5.000	15.000	
2	Cải bắp (Đơn Dương)	Kg	1.000	5.000	
3	Cải thảo (Đơn Dương)	Kg	1.000	5.000	
4	Xà lách lolo xanh (Đơn Dương)	Kg	7.000	15.000	Giảm 3.000
5	Xà lách cuộn (Đơn Dương)	Kg	8.000	15.000	Giảm 4.000
6	Hành lá	Kg	16.000	30.000	
7	Su su	Kg	4.000	10.000	
8	Su hào	Kg	5.000	15.000	
9	Củ dền	Kg	4.000	10.000	
10	Ớt sừng	Kg	13.000	30.000	
11	Đậu leo	Kg	13.000	25.000	Giảm 4.000
12	Xà lách Coron (Đà Lạt)	Kg	10.000	16.000	
13	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	15.000	22.000	
14	Ớt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	15.000	22.000	
15	Súp lơ xanh (Đà Lạt)	Kg	16.000	24.000	Giảm 4.000
16	Pó xôi (Đà Lạt)	Kg	38.000	48.000	Tăng 8.000
17	Sữa bò	Kg	13.000	17.000	
18	Lợn hơi (Lâm Hà)	Kg	62.000		Giảm 1.000
19	Gà mái hơi (Lâm Hà) Gà trống hơi (Lâm Hà)	Kg	80.000 70.000		
20	Kén tằm (Đạ Tẻh) Kén tằm (Lâm Hà) Kén tằm (Bảo Lâm)	Kg	150.000 190.000 170.000		Giảm 4.000
21	Hoa lay ơn (Đà Lạt)	Chục	25.000		Giảm 5.000
22	Hoa cúc cảnh (đại đoá)	Chục	18.000		Giảm 9.000
23	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	7.000		Giảm 3.000
24	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1 Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	9.000 8.000		Giảm 3.000 Giảm 2.000
25	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	65.000		Giảm 10.000
26	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	55.000		Giảm 10.000
27	Hoa đồng tiền	Chục	18.000		Giảm 7.000
28	Hoa cẩm chướng	2 chục	28.000		Giảm 5.000
29	Hoa cát tường	Kg	60.000		Giảm 5.000

30	Cà phê vối nhân xô (Di Linh) Cà phê vối nhân xô (Bảo Lâm)	Kg	65.000 65.000	65.400 65.400	Tăng 1.000 Tăng 900
31	Chè búp tươi hạt (Bảo Lâm) Chè búp tươi cành (Bảo Lâm)	Kg	6.000 9.000	7.000 10.000	Tăng 1.000 Tăng 500

II. Giá vật tư nông nghiệp

STT	Mặt hàng vật tư nông nghiệp	ĐVT	Giá bán lẻ	Tăng/giảm so với tuần trước
1	Đạm Phú Mỹ (Lâm Hà) Đạm Phú Mỹ (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	600.000 550.000	
2	Đạm SA Nhật (Lâm Hà)	Bao 50kg	420.000	
3	Lân Lâm Thao (Lâm Hà)	Bao 50kg	260.000	
4	Lân Văn Điển (Lâm Hà)	Bao 50kg	300.000	
5	Kali Phú Mỹ (Lâm Hà)	Bao 50kg	800.000	
6	Phân NPK 16-16-8 (Lâm Hà) Phân NPK 16-16-8 Việt Nhật (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	800.000 750.000	
7	Lân vôi (Lâm Hà)	Bao 50kg	130.000	
8	Phân DAP con ó Pháp (Đạ Tẻh)	Bao 50kg	1.100.000	

Phụ lục 2. Giá nông sản tại các tỉnh, thành phố

(Kèm theo báo cáo số 84 /BC-QLCL ngày 13 tháng 7 năm 2023)

STT	Sản phẩm	ĐVT	Giá bán tại TP.HC M	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Hà Nội	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đà Nẵng	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Cần Thơ	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Đắk Lắk	Tăng/ Giảm	Giá bán tại Gia Lai	Tăng/ Giảm
I	RAU, CỎ													
1	Cà chua thường	Kg	20.000	+2.000	18.900	-6.100	21.000	-	17.000	+ 1.000	18.000	-	18.000	
2	Bắp cải	Kg	18.000	+3.000	15.000	-	18.000	-	12.500	- 1.500	22.000	-	14.000	
3	Cải thảo	Kg	25.000	-	24.000	-4.000	18.000	-	20.000	-	14.000	-	17.000	
4	Xà lách lolo xanh	Kg	35.000	+5.000	29.000	-	28.000	-3.000	45.000		26.000	-	30.000	
5	Cà rốt	Kg	35.000	+5.000	26.000	-	25.000	-	18.000	+ 1.000	14.000	-	15.000	
6	Hành lá	Kg	50.000	-	48.000	-	35.000	-	23.000	- 4.000	20.000	-	30.000	
7	Su hào	Kg	25.000	-5.000	19.900	-	20.000	-	18.000	+ 2.000	25.000	-	20.000	
8	Củ dền	Kg	20.000	-5.000	27.000	-	20.000	-	20.000	-	15.000	-	22.000	
9	Ớt sừng	Kg	43.000	2.000	75.000	+2.100	45.000	-	41.000	-	40.000	-	60.000	
10	Cần tây	Kg	50.000	+15.000	55.000	-4.000	40.000	-	30.000	- 2.000	35.000	-	30.000	
11	Dưa leo	Kg	17.000	+2.000	19.000	-	12.000	-	12.000	- 2.000	17.000	-	12.000	
12	Ớt chuông Đà Lạt (màu đỏ)	Kg	40.000	-10.000	79.000	-	47.000	-	60.000	-	50.000	-	50.000	
13	Ớt chuông Đà Lạt (màu vàng)	Kg	40.000	-10.000	79.000	-	50.000	-	60.000	-	45.000	-	50.000	
14	Súp lơ	Kg	55.000	-	52.900	+8.000	35.000	-3.000	55.000	- 5.000	35.000	-	45.000	
15	Khoai tây	Kg	40.000	+5.000	43.000	-	25.000	-	23.000	+ 1.000	25.000	-	22.000	
17	Hành tây	Kg	35.000	+5.000	35.000	+2.000	19.000	-	20.000	- 4.000	25.000	-	18.000 – 20.000	
18	Bồ xôi	Kg	35.000	-5.000	74.000	+4.000	37.000	-	30.000	-	26.000	-	35.000	

II	HOA			-		-		-						
1	Hoa lay ơn	Chục	60.000	-	120.000	+22.000	40.000	-	90.000	-	40.000	-	40.000	
2	Hoa cúc cảnh (đại đoá)	Chục	65.000	-	53.000	-	45.000.	-	60.000	+ 5.000	35.000	-	40.000	
3	Hoa cúc chùm (AT)	5 cây	17.000	-	72.000	-	20.000	-	40.000	+ 5.000	35.000	-	28.000	
4	Hoa hồng đỏ Đà Lạt loại 1	Chục	30000	-	92.000	-	30.000	-	110.000	-	35.000	-	35.000	
5	Hoa hồng màu Đà Lạt loại 1	Chục	30.000	-	90.000	-	30.000	-	110.000	-	30.000	-	35.000	
6	Hoa lily Concador 5 tai (ù vàng)	5 cây	85.000	-	295.000	-	120.000	-	170.000	-	70.000	-	120.000	
7	Hoa lily Sorbone (hồng) 5 tai	5 cây	85.000	-	312.000	-	120.000	-	165.000	-	65.000	-	120.000	
8	Hoa đồng tiền	Chục	45.000	+5.000	50.000	-	45.000	-	60.000	+10.00 0	50.000	-	40.000	
III	TRÁI CÂY			-		-		-						
1	Bơ	Kg	30.000	-	25.000	+5.100	35.000	-	25.000	-	40.000	-	10.000- 15.000	-5.000
2	Sầu riêng Ri6	Kg	50.000	-	82.000	-	70.000	+10.00 0	85.000	+ 10.000	70.000	-	65.000- 75.000	
VI	SẢN PHẨM CHĂN NUÔI			-		-		-						
1	Lợn hơi	Kg	60.000	-	65.000	-	60.000	-	60.000	- 1.000	59.000	-	59.000	-
2	Gà mái hơi	Kg	75.000	-	81.000	-	75.000	-	85.000	- 3.000	60000	-	70.000	-
3	Gà trống hơi	Kg	72.000	-	78.000	-	75.000	-	76.000	- 3.000	55.000	-	70.000	-

